

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 92/2024/TLST- DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa :

- **Nguyên đơn:** Anh LĐT, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Số nhà 137/6 Phố M, Phường QT, Thành phố TH, tỉnh Thanh Hoá.

- **Bị đơn:** Anh DĐT, sinh năm 1975 và vợ là TTT, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn 1, xã QX, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 05 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận giữa:

Anh LĐT và vợ chồng anh DĐT, chị TTT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 13/6/2023, tại Thôn 4, xã QG, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá, anh T và vợ chồng anh T, chị T có giao nhận số tiền đặt cọc là 100.000.000đ để mua bán 01 thửa đất số 210, tờ bản đồ số 17, diện tích 450,9m2, có địa chỉ tại: Thôn 1, xã QN, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 276500 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá cấp. Thửa đất trên được các bên thoả thuận mua bán với số tiền là 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), đặt cọc số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) (Theo

Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/6/2023). Tuy nhiên bên bị đơn vi phạm thoả thuận trong Hợp đồng đặt cọc.

2.2, Anh LĐT và vợ chồng anh DĐT, chịTTT tự nguyện thoả thuận không phạt cọc.

Anh DĐT, chịTTT liên đới cso trách nhiệm trả số tiền đã nhận cọc cho anh LĐT là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Trả một lần vào ngày 16/6/2025.

Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thoả thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2.3 Về án phí: Anh DĐT và chịTTT liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả nợ là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại toàn bộ tạm ứng án phí cho anh LĐT là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0005643 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

